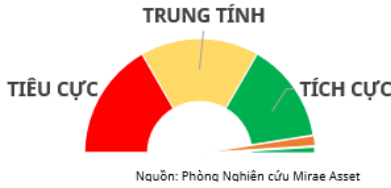


30 Tháng 03, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,059.44	0.3	3.4	-28.9
HNX	205.95	0.2	1.8	-54.4
UPCOM	76.49	-0.3	0.1	-34.6
MSCI EM	980.14	1.0	1.7	-14.7
NIKKEI	27,782.93	-0.4	1.2	-0.9
HANG SENG	20,309.13	0.6	2.6	-8.6
KOSPI	2,453.16	0.4	1.7	-10.7
FTSE	7,598.01	0.4	-3.5	0.3
S&P 500	4,027.81	1.4	1.5	-12.5
NASDAQ	11,926.24	1.8	4.1	-17.4

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.7	1.7	14.0
Indonesia	15.1	2.0	13.5
Philippines	14.3	1.6	11.0
Malaysia	14.4	1.3	10.4
Thái Lan	19.6	1.6	8.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	3.1	-16	-76	136
TPCP 10 năm	3.5	-1	-85	113

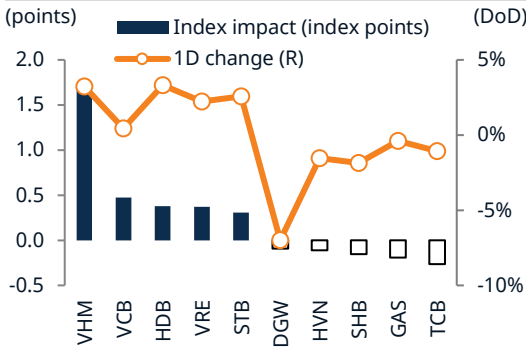
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,486	0.0	-1.3	2.7
US\$/KRW	1,299.0	-0.3	-1.8	7.3
US\$/JPY	132.5	-0.3	-2.7	8.7
US\$/EUR	0.92	-0.3	-2.7	2.6
US\$/GBP	0.81	-0.3	-2.7	6.3
US\$/SGD	1.33	-0.1	-1.5	-1.8

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	310	329	401
HNX	29	34	41
UPCOM	10	11	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

VN-Index tăng điểm phiên thứ 8

Tiếp tục là một phiên giao dịch với bên mua có phần áp đảo hơn khi sắc xanh bao phủ xuyên suốt thời gian giao dịch của VN-Index. Mặc dù, chịu áp lực chốt lời nhẹ vào cuối phiên, thế nhưng VN-Index đóng cửa vẫn ghi nhận tăng hơn 3 điểm tương ứng 0,3%, dừng chân tại mốc 1,059 điểm. Thanh khoản mặc dù có phần cải thiện hơn so với phiên trước đó với mức tăng 33,7%, tương ứng với hơn 555 triệu đơn vị khớp lệnh và 9,656 tỷ đồng về giá trị.

Nhóm vốn hóa lớn VN30 tiếp tục là động lực hỗ trợ chính cho thị trường giữ đà tăng khi mà HDB và VHM tăng mạnh nhất hơn 3%. Bên cạnh đó, STB, PLX và VRE cũng có mức tăng hơn 2%. Năm ngoài VN30 thì diễn biến của nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng cũng có diễn biến nổi bật khi mà có ITC, TCG và CTD tăng kịch trần.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 2 liên tiếp với giá trị hơn 416 tỷ đồng, tính trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu chiều bán là STB khi giá trị đạt hơn 283 tỷ đồng và vị trí thứ 2 là SSI ở mức hơn 77 tỷ. Ngược lại, HPG mua ròng mạnh nhất hơn 76 tỷ đồng.

Đà tăng tiếp tục được duy trì, kèm theo thanh khoản được cải thiện đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index được lên mức cao nhất +7 điểm với trạng thái là KHẢ QUAN. Hệ số P/E hiện tại của VN-Index đạt 13,7x.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

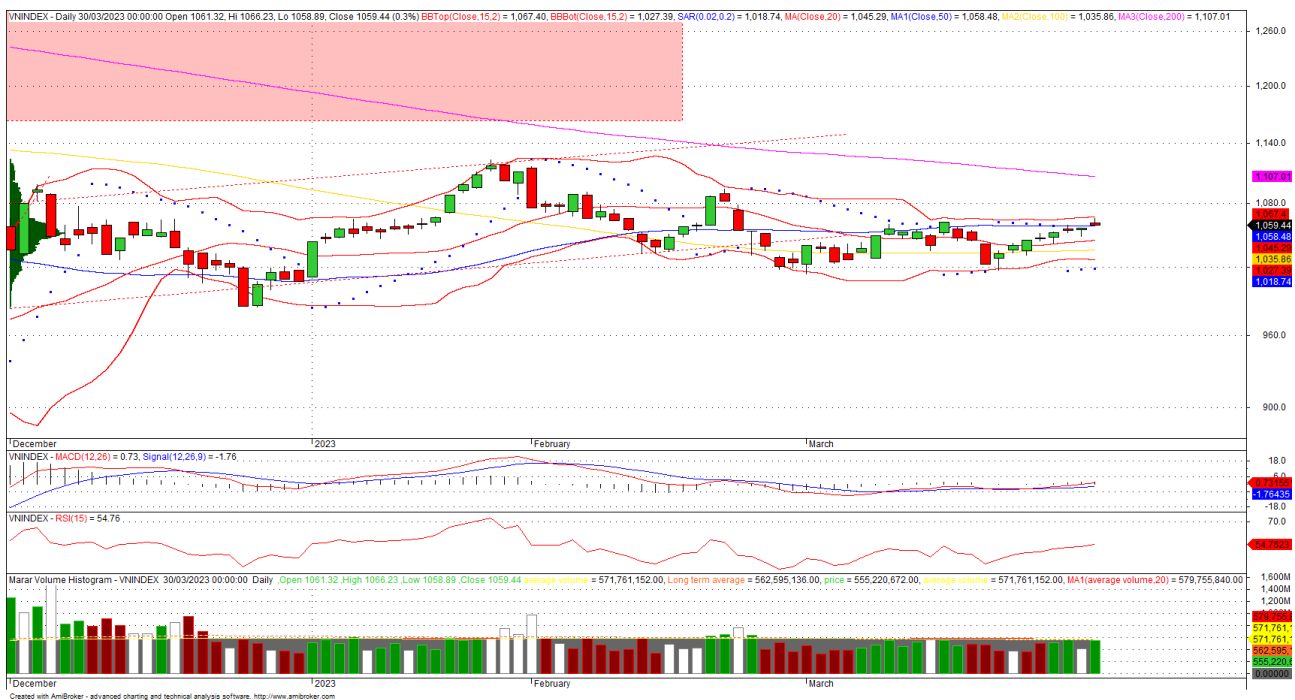
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	7	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật của Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (30/03/2023)	1.059	Kháng cự 1 1.060
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.080
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.020
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.000

VN-Index vẫn chưa vượt qua được ngưỡng kháng cự ngắn hạn, cần thêm thời gian để kiểm định ở những phiên tiếp.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (30/03/2023)	1.064	Kháng cự 1	1.060
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.080
VN30 - đóng cửa	1.067	Hỗ trợ 1	1.030
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,7	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN

VN30F1M vượt qua được ngưỡng kháng cự trong ngắn hạn

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
MBS	Chứng khoán	14,800	2,275,490	93	5	Top sức mạnh ngành
FTS	Chứng khoán	24,450	1,936,830	90	6	Top sức mạnh ngành
BVS	Chứng khoán	18,700	137,155	89	5	Top sức mạnh ngành
CTD	Xây dựng	44,100	408,265	83	7	Top sức mạnh ngành
FMC	Thủy sản	38,400	43,020	78	4	
VCI	Chứng khoán	32,100	6,659,135	77	4	Top sức mạnh ngành
FCN	Xây dựng	11,600	1,719,105	75	4	Top sức mạnh ngành
SSI	Chứng khoán	20,950	17,428,670	70	4	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
STB	26	20,221,796	7	KHẢ QUAN	49,016	9.7	1.3	526
VCB	92.7	885,130	7	KHẢ QUAN	438,704	14.7	3.2	82
VIB	21.35	3,753,920	7	KHẢ QUAN	44,999	5.3	1.4	80
HDB	18.7	2,436,785	7	KHẢ QUAN	47,035	6.1	1.3	46
TCH	7.4	3,809,230	7	KHẢ QUAN	4,945	27.7	0.6	28
PAN	16.75	1,383,560	7	KHẢ QUAN	3,499	9.6	0.8	23
ORS	10	2,126,735	7	KHẢ QUAN	2,000	14.7	0.9	21
TCM	50.2	403,060	7	KHẢ QUAN	4,114	17.3	2.1	20
CTD	44.1	408,265	7	KHẢ QUAN	3,257	157.0	0.4	18
HPG	20.8	20,490,600	6	KHẢ QUAN	120,948	14.3	1.3	426
TCB	27.7	2,842,745	6	KHẢ QUAN	97,428	4.8	0.9	79
FTS	24.45	1,936,830	6	KHẢ QUAN	4,769	14.6	1.4	47
CTS	15.8	1,672,730	6	KHẢ QUAN	2,349	32.3	1.3	26
VHM	49.55	2,438,220	5	KHẢ QUAN	215,759	7.5	1.5	121
IDC	39.9	2,350,030	5	KHẢ QUAN	13,167	5.8	2.5	94
VRE	29.9	3,091,380	5	KHẢ QUAN	67,942	24.5	2.0	92
MBS	14.8	2,275,490	5	KHẢ QUAN	5,797	10.7	1.3	34
HAH	33.9	824,255	5	KHẢ QUAN	2,385	3.3	1.0	28
SSI	20.95	17,428,670	4	KHẢ QUAN	31,407	14.4	1.4	365
VND	15.25	19,444,644	4	KHẢ QUAN	18,572	15.2	1.3	297
VCI	32.1	6,659,135	4	KHẢ QUAN	13,980	16.0	2.2	214
SHB	10.6	16,855,800	4	KHẢ QUAN	32,509	4.2	0.8	179
VCG	20.45	6,179,060	4	KHẢ QUAN	9,936	8.5	1.4	126
HCM	24.7	5,109,770	4	KHẢ QUAN	11,293	13.2	1.4	126
SHS	9	13,817,970	4	KHẢ QUAN	7,318	37.3	0.8	124
KDC	60.9	1,768,040	4	KHẢ QUAN	15,665	42.4	2.3	108
HHV	13.35	6,287,135	4	KHẢ QUAN	4,109	13.0	0.6	84

KBC	22.7	3,060,230	4	KHẢ QUAN	17,425	11.4	1.1	69
DGC	51.3	1,306,640	4	KHẢ QUAN	19,483	3.7	1.9	67
CTG	29	1,998,230	4	KHẢ QUAN	139,367	8.2	1.3	58
CII	14.8	3,608,350	4	KHẢ QUAN	3,733	4.9	0.7	53
FPT	79.1	632,355	4	KHẢ QUAN	86,775	16.3	4.1	50
VPI	55.8	624,920	4	KHẢ QUAN	13,504	26.8	3.9	35
NLG	25.05	1,207,285	4	KHẢ QUAN	9,621	19.7	1.1	30
DBC	13.9	1,947,760	4	KHẢ QUAN	3,364	22.4	0.7	27
PLC	34.3	773,180	4	KHẢ QUAN	2,771	20.8	2.2	27
KDH	27	961,700	4	KHẢ QUAN	19,354	18.7	1.7	26
GMD	51.3	408,145	4	KHẢ QUAN	15,461	16.9	2.2	21
FCN	11.6	1,719,105	4	KHẢ QUAN	1,826	46.5	0.7	20
KOS	38.15	383,305	4	KHẢ QUAN	8,259	380.2	3.6	15
DXG	12.45	15,325,650	3	TRUNG TÍNH	7,595	48.8	0.8	191
NVL	12.8	13,963,230	3	TRUNG TÍNH	24,961	11.0	0.7	179
PVT	20.9	2,114,385	3	TRUNG TÍNH	6,764	7.9	1.1	44
AAA	9.29	2,515,175	3	TRUNG TÍNH	3,551	19.2	0.6	23
VPB	20.9	22,071,184	2	TRUNG TÍNH	140,306	7.7	1.4	461
LPB	15.35	10,647,945	2	TRUNG TÍNH	26,542	5.2	1.1	163
DIG	12.9	12,109,160	2	TRUNG TÍNH	7,867	51.6	1.0	156
MBB	18.25	7,552,980	2	TRUNG TÍNH	82,745	4.7	1.1	138
CEO	21.7	5,913,285	2	TRUNG TÍNH	5,584	20.1	1.7	128
GEX	12.35	7,053,530	2	TRUNG TÍNH	10,516	28.5	0.9	87
MWG	38.6	1,872,935	2	TRUNG TÍNH	56,486	13.6	2.4	72
KSB	26.9	2,651,740	2	TRUNG TÍNH	2,052	15.7	1.1	71
PDR	12.4	5,282,940	2	TRUNG TÍNH	8,328	7.1	1.0	66
VIX	7.57	6,886,875	2	TRUNG TÍNH	4,407	10.3	0.6	52
HAG	7.36	6,317,510	2	TRUNG TÍNH	6,826	5.9	1.4	46
PC1	28.35	1,470,160	2	TRUNG TÍNH	7,667	17.0	1.5	42
DPM	33.65	1,129,805	2	TRUNG TÍNH	13,168	2.4	1.0	38
HUT	15.8	1,726,330	2	TRUNG TÍNH	5,508	38.1	1.4	27
GVR	14.7	1,740,575	2	TRUNG TÍNH	58,800	15.4	1.2	26
HDC	31	823,645	2	TRUNG TÍNH	3,351	8.2	1.8	26
SZC	28.2	621,445	2	TRUNG TÍNH	2,820	16.1	1.8	18
NT2	28.6	593,640	2	TRUNG TÍNH	8,233	9.6	1.8	17
ACB	24.6	4,015,385	1	TRUNG TÍNH	83,085	6.1	1.4	99
VIC	53.7	1,446,620	1	TRUNG TÍNH	204,808	23.8	1.8	78
PLX	36.9	1,178,440	1	TRUNG TÍNH	46,885	31.9	1.9	43
PVS	25.3	5,074,420	0	TRUNG TÍNH	12,093	13.7	1.0	128
MSN	79.2	1,309,140	0	TRUNG TÍNH	112,759	31.5	4.3	104
TPB	22.15	4,097,005	0	TRUNG TÍNH	35,036	5.6	1.1	91
BSR	15.3	5,589,965	0	TRUNG TÍNH	47,438	3.2	0.9	86
PVD	20.1	3,629,980	0	TRUNG TÍNH	11,173	#N/A N/A	0.8	73
HQC	3.61	10,949,405	0	TRUNG TÍNH	1,721	95.2	0.4	40
BID	46.2	776,855	0	TRUNG TÍNH	233,704	12.8	2.3	36
IJC	12.8	2,576,850	0	TRUNG TÍNH	3,223	6.7	0.8	33
SCR	6.69	4,758,800	0	TRUNG TÍNH	2,647	52.8	0.5	32
VJC	106.3	293,160	0	TRUNG TÍNH	57,573	#N/A N/A	4.0	31

IDI	11.15	2,202,555	0	TRUNG TÍNH	2,538	4.7	0.8	25
HT1	15.35	1,339,815	0	TRUNG TÍNH	5,857	22.7	1.1	21
CTF	35.4	566,130	0	TRUNG TÍNH	2,691	24.4	3.0	20
VGC	32.1	485,595	0	TRUNG TÍNH	14,392	8.3	1.9	16
HDG	30.1	492,845	0	TRUNG TÍNH	7,363	6.5	1.3	15
HSG	16.25	17,294,304	-2	TRUNG TÍNH	9,718	#N/A N/A	1.0	281
NKG	15.7	12,008,780	-2	TRUNG TÍNH	4,133	#N/A N/A	0.8	189
LCG	12.7	10,022,585	-2	TRUNG TÍNH	2,408	12.2	1.0	127
POW	13.2	8,584,775	-2	TRUNG TÍNH	30,913	15.0	1.0	113
VNM	75	1,357,770	-2	TRUNG TÍNH	156,747	20.6	5.3	102
DCM	24.1	2,787,130	-2	TRUNG TÍNH	12,759	3.1	1.2	67
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
PVC	14.6	1,669,925	-2	TRUNG TÍNH	730	82.9	1.0	24
GAS	102.4	185,870	-2	TRUNG TÍNH	195,988	13.4	3.3	19
SAB	185	163,330	-3	TRUNG TÍNH	118,637	23.2	5.1	30
TNG	17.2	2,089,160	-4	TIÊU CỰC	1,808	6.1	1.2	36
ANV	30.35	1,059,655	-4	TIÊU CỰC	4,040	5.7	1.3	32
SBT	14.15	1,961,020	-4	TIÊU CỰC	9,526	14.7	1.1	28
HVN	12.9	1,328,440	-4	TIÊU CỰC	28,566	#N/A N/A	#N/A N/A	17
VHC	53.4	318,860	-4	TIÊU CỰC	9,792	4.9	1.3	17
EIB	18.95	2,973,340	-6	TIÊU CỰC	27,957	9.5	1.4	56
PNJ	77.7	251,010	-6	TIÊU CỰC	25,486	13.6	3.0	20
FRT	61.7	792,425	-7	TIÊU CỰC	7,310	18.7	3.6	49
DGW	29.25	1,339,055	-7	TIÊU CỰC	4,887	6.9	2.0	39

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

MSN: được "bơm" thêm 375 triệu USD trong gói vay hợp vốn 650 triệu USD

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (HOSE: MSN) vừa công bố nhận giải ngân thành công đợt đầu với giá trị 375 triệu USD, thuộc phần bảo lãnh của khoản vay hợp vốn trị giá 650 triệu USD được ký vào tháng 2 năm 2023. Công ty đặt mục tiêu sử dụng toàn bộ Khoản vay hợp vốn năm 2023 bằng quyền chọn “greenshoe” (quyền chọn gia tăng) đối với khoản 275 triệu USD còn lại vào cuối năm nay. Gói tín dụng được bảo lãnh phát hành, thu hút sự tham gia của các bên cho vay chính và Quản lý sổ đăng ký đầu tư (“MLABs”) bao gồm Ngân hàng BNP Paribas, Credit Suisse, HSBC, Standard Chartered và Ngân hàng United Overseas. Khoản vay bằng USD có lãi suất cộng thêm 3,5% với lãi suất tham chiếu SOFR, tương đương lãi suất 8,0% mỗi năm. Với thời hạn 5 năm, Khoản vay hợp vốn năm 2023 sẽ giúp Masan gia tăng nguồn vốn dài hạn và củng cố thanh khoản. Đây được MSN giới thiệu là khoản vay có giá trị lớn nhất từ trước đến nay trong lĩnh vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Trong bối cảnh những biến động gần đây của thị trường ngân hàng toàn cầu, việc Masan giải ngân thành công phần bảo lãnh của Khoản vay hợp vốn năm 2023 đã khẳng định sự tin tưởng của các tổ chức tài chính vào nền tảng kinh doanh vững chắc và hồ sơ tín dụng lành mạnh của Masan.

CTR: đặt mục tiêu lợi nhuận cao kỷ lục, cổ tức dự kiến 31,51%

Tổng CTCP Công trình Viettel (Viettel Construction – mã CTR) đã công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023 dự kiến diễn ra ngày 18/4 với nhiều tờ trình quan trọng. Tại Đại hội, Viettel Construction dự kiến sẽ trình cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh với mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 10.338 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 487 tỷ đồng, đều tăng 10% so với cùng kỳ. Nếu hoàn thành kế hoạch đề ra, tổng công ty sẽ phá kỷ lục lợi nhuận đạt được năm ngoái. Riêng với công ty mẹ, chỉ tiêu tổng doanh thu là 9.256 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến 471,6 tỷ đồng, lần lượt tăng 12,4% và 10,5% so với năm trước. Tỷ lệ cổ tức dự kiến 31,51% bằng tiền và cổ phiếu. Năm 2023, Viettel Construction đề ra các nhiệm vụ trọng tâm là (1) Nâng cao chất lượng dịch vụ VHKT, đảm bảo KPI theo hợp đồng SLA của chủ đầu tư; (2) Giữ vững thị phần TowerCo số 1 Việt Nam; (3) Duy trì vị trí số 1 về độ phủ công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ; (4) Tiến tới trở thành công ty xây dựng đa dịch vụ, nguồn việc đạt 2.000 tỷ; (5) Phát triển sản phẩm độc quyền/OEM đưa vào kinh doanh; (6) Cung cấp dịch vụ cho 500.000 thuê bao, top 1 vận hành cho các chuỗi, top 1 vận hành năng lượng mặt trời áp mái; (7) Củng cố, phát triển bền vững kênh bán XHH, đẩy mạnh các kênh marketing Social với mục tiêu doanh thu XHH đạt 2.000 tỷ và doanh thu Digital đạt 200 tỷ đồng; (8) Chuyển đổi mô hình kinh doanh CNCT tỉnh/TP và trung tâm kinh doanh như một đơn vị hạch toán độc lập.

GEX đặt mục tiêu lãi gần 1.300 tỷ đồng năm 2023

Theo các công tin được công bố, năm 2023, thông qua Điện lực Gelex, Tập đoàn định hướng tiếp tục giữ và tăng trưởng thị phần trong nước với các mặt hàng chiến lược, đồng thời, từng bước phát triển mở rộng ra thị trường nước ngoài phù hợp. Đặc biệt, công tác R&D, tối ưu hóa sản xuất, hợp tác với các đối tác lớn để sản xuất

sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ cao, phù hợp nhu cầu thị trường là một trong những mục tiêu quan trọng. Đồng thời, các đơn vị trên toàn hệ thống sẽ chú trọng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu chi phí, cân đối công nợ, kiểm soát hàng tồn kho, tinh gọn bộ máy/nhân sự, tăng cường quản trị rủi ro... để nâng cao năng lực cạnh tranh, giữ vững vị thế, hỗ trợ cho tăng trưởng bền vững. Hiện Viglacera là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, nhà ở xã hội/nhà ở công nhân, với 12 dự án khu công nghiệp có quy mô hơn 4.000 ha, thu hút 300 doanh nghiệp trong và ngoài nước, hơn 16 tỷ USD vốn FDI. Định hướng 2023, Viglacera sẽ khảo sát, lập dự án đầu tư và triển khai các dự án KCN mới. Về nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, Công ty lên kế hoạch từng bước thực hiện chương trình triển khai đầu tư 50.000 căn nhà ở xã hội trong giai đoạn 2022-2030. Trong đó, tiếp tục phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đồng bộ với phát triển KCN hiện có tại các KCN Đồng Văn IV, Phú Hà, Đông Mai; Nhà ở xã hội tại Kim Chung; Khu nhà ở xã hội 9,8 ha tại Yên Phong - Bắc Ninh.

NKG: tăng lỗ thêm gần 60 tỷ đồng sau kiểm toán năm 2022

Cụ thể, sau kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, lợi nhuận của Thép Nam Kim giảm thêm 57,98 tỷ đồng, từ lỗ 66,71 tỷ đồng sang lỗ 124,68 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng 60,85 tỷ đồng, từ 21.529 tỷ đồng lên 21.589,9 tỷ đồng. Thép Nam Kim giải thích giá vốn hàng bán tăng sau kiểm toán do trích lập dự phòng hàng tồn kho tại Công ty con “Ống Thép Nam Kim” và không thực hiện loại trừ lỗ chưa thực hiện năm nay đối với Công ty con “Ống Thép Nam Kim”. Lũy kế năm 2022, Thép Nam Kim ghi nhận doanh thu đạt 23.071,25 tỷ đồng, giảm 18,1% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế lỗ 124,68 tỷ đồng so với cùng kỳ lãi 2.225,3 tỷ đồng. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 15,2% về còn 6,4%. Trong kỳ, lợi nhuận gộp giảm 65,3%, tương ứng giảm 2.788,5 tỷ đồng, về 1.481,4 tỷ đồng; doanh thu tài chính tăng 52%, tương ứng tăng thêm 103,66 tỷ đồng, lên 302,88 tỷ đồng; chi phí tài chính tăng 26,5%, tương ứng tăng thêm 105,51 tỷ đồng, lên 502,98 tỷ đồng; chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 8,7%, tương ứng giảm 132,59 tỷ đồng, về 1.388,08 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng kể.

DHG: dự chia cổ tức 35% bằng tiền năm 2023

Các chỉ tiêu này tăng lần lượt 7% và 3% so với thực hiện năm 2022 - vốn là năm rất thành công của doanh nghiệp với mức lãi “khủng” nhất trong nhóm doanh nghiệp ngành dược. Kết năm 2022, DHG đạt doanh thu thuần 4,674 tỷ đồng, tăng 17% so với năm trước. Lãi sau thuế đạt 988 tỷ đồng, tăng 27% và cũng là mức lãi cao nhất trong lịch sử hoạt động của Công ty. Theo giải trình của Doanh nghiệp, nhu cầu tiêu thụ thuốc tăng cao (đặc biệt là các sản phẩm kháng sinh, phòng bệnh) cùng việc chủ động dự trữ nguyên liệu, thành phẩm để đáp ứng nhu cầu, kiểm soát tốt chi phí, tăng sản phẩm tồn kho để có giá chi phí thấp... đã giúp Công ty tăng mạnh doanh thu và lợi nhuận. Công ty cũng dự kiến trình một số kế hoạch giải pháp để ĐHCĐ thông qua. Trong đó, có việc nâng cấp các dây chuyền sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế; kiểm soát sản xuất, đảm bảo hàng tồn kho phù hợp; xây dựng thương hiệu, kênh mới dành cho sản phẩm thực phẩm chức năng và chăm sóc sắc đẹp...

NLG ước doanh số 2023 đạt 10 ngàn tỷ đồng

Cụ thể, ông Huy cho biết trong năm 2023, NLG sẽ tập trung phân loại các sản phẩm thị trường có thể hấp thụ. Mục tiêu doanh số của NLG sẽ khoảng 10 ngàn tỷ đồng, bằng với năm 2022. Nguyên nhân là do NLG nhận thấy các sản phẩm có giá trị cao như biệt thự, villa thuộc các dự án như Paragon Đại Phước sẽ không phù hợp với hoàn cảnh hiện nay. Ngược lại, các sản phẩm vừa túi tiền như các dự án Ehome hay Flora sẽ được thị trường hấp thụ dễ dàng hơn. Trong 3 tháng đầu năm 2023, đã có 360 căn hộ thuộc dòng Flora và Mizuki được bàn giao và 395 căn khách hàng đã đóng tiền (95%) chờ bàn giao. Điều này cho thấy các sản phẩm về nhu cầu ở thật vẫn đang được ưu chuộng trong thời điểm này. Về kế hoạch kinh doanh năm 2023, NLG ước tính tỷ lệ hấp thụ sản phẩm sẽ ở mức 70-80% thay vì 100% như năm trước. Do đó, mục tiêu của Công ty trong năm nay sẽ vào khoảng 4,300 tỷ đồng doanh thu và 500 tỷ đồng lợi nhuận, đi ngang so với năm 2022. Chia sẻ thêm về các dự án, Giám đốc đầu tư của NLG cho biết doanh số năm 2023 chủ yếu sẽ đến từ Akari City, sau đó là Mizuki, nếu điều kiện thuận lợi hơn và có được hồ sơ pháp lý liên quan thì sẽ mở bán luôn dự án tại Cần Thơ, bên cạnh đó là mở bán những phân khu phù hợp với thị trường ở Long An. Nếu quy hoạch được duyệt trong năm 2023 kịp thời thì NLG sẽ mở bán 1 phần dự án Izumi.

VPB: đặt mục tiêu LNTT 2023 tăng 13%, tăng vốn thêm hơn 11,900 tỷ đồng

VPBank đặt mục tiêu đến cuối năm 2023, tổng tài sản đạt 877,460 tỷ đồng, tăng 39% so với đầu năm. Vốn huy động (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) và dư nợ cấp tín dụng tăng lần lượt 41% và 33%, đạt 518,192 tỷ đồng và 635,972 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng riêng lẻ (theo Thông tư 11) sẽ dưới 3%. Theo đó, VPBank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 24,003 tỷ đồng, tăng 13% so với kết quả năm 2022. VPBank cho biết chỉ tiêu năm 2023 được đề ra dựa trên giả định/phân tích kích bản tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và năng lực thực tế của Ngân hàng. Với kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2022 khi thu về 21,220 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 48% so với năm 2021, VPBank lên kế hoạch chi trả cổ tức 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 10%/cp (01 cp được nhận 1,000 đồng), tỷ lệ này được tính trên tổng số cổ phiếu lưu hành mới sau các đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP và chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Qua đó, tổng số tiền dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt gần 7,934 tỷ đồng. Thời gian thanh toán dự kiến vào quý 2-3/2023.

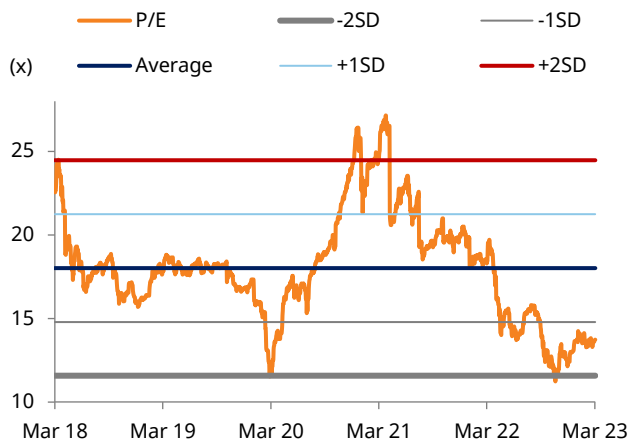
KHP: đặt mục tiêu lãi 2023 tăng 68%

Cụ thể, Công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu từ sản xuất điện và hoạt động khác đạt 5,339 tỷ đồng, tăng 3% so với thực hiện năm 2022, trong đó sản lượng điện thương phẩm đạt 2,537 triệu kWh. Lãi trước thuế mục tiêu 50.2 tỷ đồng, tăng 68%. Vốn điều lệ dự kiến không đổi ở mức 604 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty dự kiến chia 1.5 triệu cp quỹ cho cổ đông hiện hữu, tổng giá trị theo mệnh giá gần 15 tỷ đồng. Tỷ lệ phân phối là 2.5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành (58.9 triệu cp), tương đương tỷ lệ thực hiện quyền 1,000:25 (cổ đông sở hữu 1 cp được nhận 1 quyền và cứ 1,000 quyền, cổ đông được nhận thêm 25 cp). Dự kiến sau khi chia cổ phiếu quỹ, số lượng cổ phiếu lưu hành gần 60.4 triệu cp. Nguồn vốn thực hiện từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC kiểm toán năm 2022 gần 106 tỷ đồng. Đối tượng phát hành là cổ đông hiện hữu của Công ty theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối

cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu quỹ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp, không bao gồm cổ phiếu quỹ.

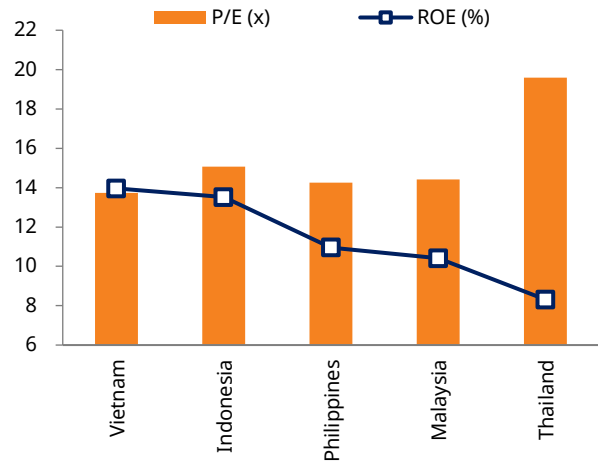
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



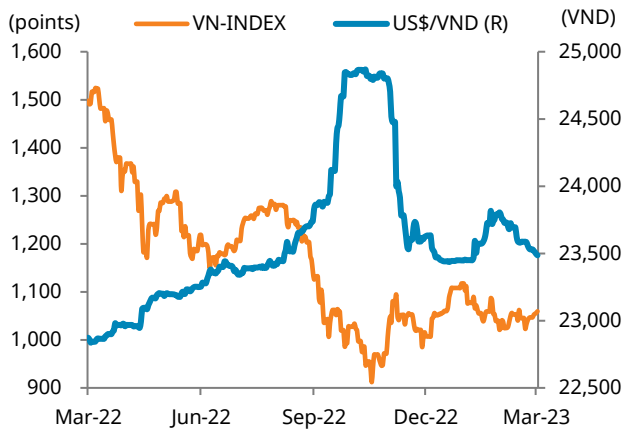
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



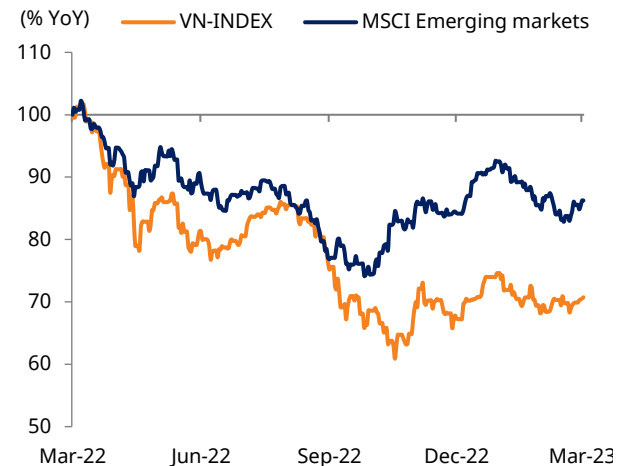
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



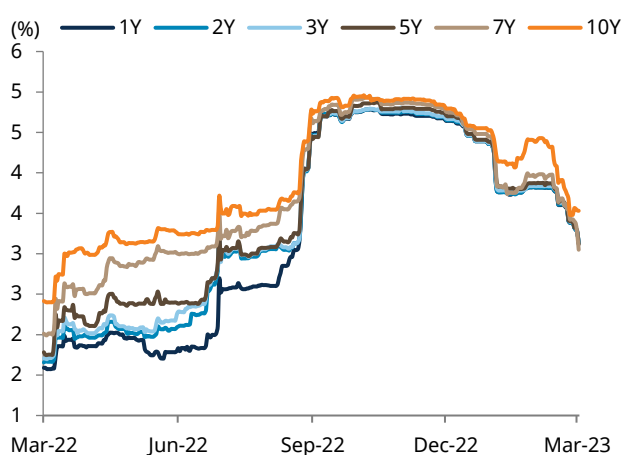
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



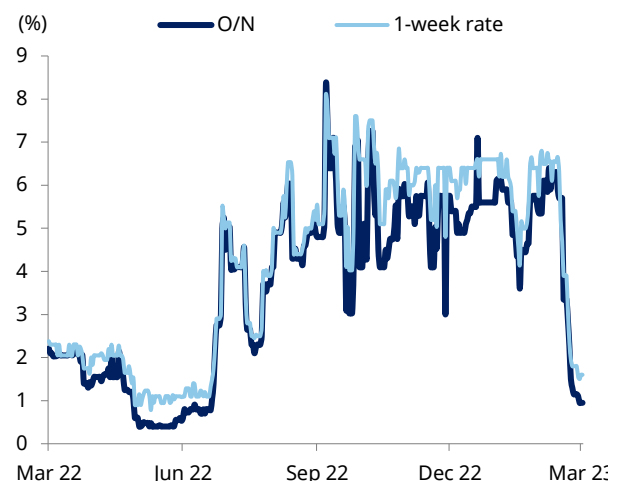
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,214,241	1,059.44	1,524.92	1,502.35	0.3	1.4	3.4	-28.9	13.7	1.7	14.0		
VN30 Index		3,093,752	1,067.24	1,566.09	1,541.96	0.5	2.0	5.2	-28.9	11.1	1.6	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	83,085	24,600	27,320	26,880	0.8	0.4	0.8	-5.7	6.1	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	233,704	46,200	48,000	47,050	0.0	0.7	4.8	6.1	12.8	2.3	19.9	17.3	12.7
VietinBank	CTG VN	139,367	29,000	33,000	32,350	0.0	1.0	5.8	-9.5	8.2	1.3	16.9	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	47,035	18,700	23,600	23,120	3.3	5.9	9.7	-17.4	6.1	1.3	23.5	18.9	1.2
MBBank	MBB VN	82,745	18,250	28,667	27,917	-0.3	4.9	5.8	-32.9	4.7	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	49,016	26,000	32,900	31,750	2.6	4.0	9.5	-19.4	9.7	1.3	13.8	28.4	1.6
Techcombank	TCB VN	97,428	27,700	50,300	49,300	-1.1	5.7	4.5	-43.6	4.8	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	35,036	22,150	41,700	40,700	1.1	0.5	-4.9	-44.6	5.6	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	438,704	92,700	96,000	93,000	0.4	2.2	-0.9	13.0	14.7	3.2	24.2	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	44,999	21,350	35,704	34,593	0.5	3.4	3.9	-38.7	5.3	1.4	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	140,306	20,900	27,367	26,533	0.0	-0.7	22.6	-14.8	7.7	1.4	20.7	17.6	0.1
SSI Securities Corp	SSI VN	31,407	20,950	42,624	41,402	-0.5	2.9	14.8	-47.3	14.4	1.4	9.3	44.3	55.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	35,966	48,450	68,400	64,400	0.3	-0.9	-0.1	-21.5	23.5	1.8	7.4	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	85,181	82,300	97,900	94,200	0.1	0.5	-1.7	14.3	63.0	5.1	9.9	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	24,961	12,800	87,800	84,200	2.0	14.8	20.8	-84.0	11.0	0.7	6.2	6.1	42.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	8,328	12,400	68,599	67,205	0.0	3.3	22.8	-81.4	7.1	1.0	15.1	3.0	46.0
Vinhomes JSC	VHM VN	215,759	49,550	76,100	75,100	3.2	3.2	19.4	-34.6	7.5	1.5	21.4	24.2	25.8
Vingroup JSC	VIC VN	204,808	53,700	82,300	81,100	0.4	1.7	2.1	-33.8	23.8	1.8	8.0	12.8	36.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	67,942	29,900	33,800	32,700	2.2	2.0	12.0	-8.0	24.5	2.0	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	56,486	38,600	81,400	77,600	-0.3	2.1	-3.5	-46.5	13.6	2.4	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	112,759	79,200	129,167	125,833	0.5	0.3	-3.4	-34.0	31.5	4.3	12.1	30.5	18.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	118,637	185,000	199,000	192,000	-0.2	-1.6	-1.6	17.2	23.2	5.1	23.6	62.6	37.4
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	156,747	75,000	84,000	81,600	0.1	-0.4	-0.7	-1.6	20.6	5.3	24.1	55.8	44.2
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,885	36,900	57,400	55,800	2.5	2.9	-1.1	-32.9	31.9	1.9	6.0	17.7	2.7
Vietnam Rubber Group	GVR VN	58,800	14,700	37,800	36,300	-0.3	1.4	5.4	-56.6	15.4	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	120,948	20,800	36,615	35,808	0.0	2.0	4.0	-40.6	14.3	1.3	9.1	23.4	25.6
FPT Corp	FPT VN	86,775	79,100	99,083	96,000	0.1	1.4	-1.7	-10.5	16.3	4.1	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	57,573	106,300	142,200	139,500	0.1	0.6	6.3	-24.3	N/A	4.0	-14.0	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	195,988	102,400	131,900	127,200	-0.4	-0.1	-1.1	-7.0	13.4	3.3	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	30,913	13,200	16,950	16,400	-1.1	0.0	9.1	-17.2	15.0	1.0	7.0	7.8	41.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.